TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2021/HNGĐ- ST Ngày: 15/4/2021 *V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế;

Ông Lê Bá Thành

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX- ST ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Duy D, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Thôn Thư Đ, xã Nguyệt Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Thư Đ, xã Nguyệt Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đỗ Duy D kết hôn với bà Hoàng Thị H ngày 03/12/2020, trước khi kết hôn ông, bà có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Theo ông D trình bày: Sau khi đăng ký kết hôn với bà H thì ông nhận thấy do chưa suy nghĩ kỹ, mặt khác do ông cũng đã cao tuổi nên không đem lại hạnh phúc cho bà H nên ông, bà đã không tổ chức đám cưới và cũng không về chung sống cùng nhau. Nay ông nhận thấy giữa ông và bà H không thể chung sống cùng

nhau được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H.

Về con chung, tài sản chung và công nợ: Ông D xác nhận giữa ông và bà H không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà H không đến Tòa án làm việc và không khai báo. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà H tại gia đình bà H có sự chứng kiến của địa phương. Bà H trình bày: Bà đồng ý ly hôn với ông D và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của ông D và bà đề nghị giải quyết vắng mặt bà.

Tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của các nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn là chưa đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Duy D được ly hôn bà Hoàng Thị H.

Về án phí: Ông Đỗ Duy D không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đỗ Duy D kết hôn với bà Hoàng Thị H ngày 03/12/2020, trước khi kết hôn ông, bà có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh nên đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Duy D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi đăng ký kết hôn với bà H thì ông D và bà H không về chung sống cùng nhau. Ông D trình bày do ông chưa suy nghĩ kỹ và ông cũng đã cao tuổi nên không đem lại hạnh phúc cho bà H vì vậy ông và bà H không thể chung sống cùng nhau được. Phía bà H cũng đồng ý ly hôn với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa ông D và bà H không đạt được cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho ông D được ly hôn với bà H.

[2] Về con chung, tài sản chung và công nợ: Các đương sự xác nhận không có nên không không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì ông Đỗ Duy D thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí do vậy cần trả lại ông D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Duy D được ly hôn bà Hoàng Thị H.

2. Về án phí: Ông Đỗ Duy D không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại ông D 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp thao Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003728 ngày 27/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Thuận Thành;*
- *THADS huyện Thuận Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu